

CHỦ NGHĨA TỰ DO MỚI: BỐI CẢNH VÀ KHUNG KHỔ CHO MỘT VÀI ĐIỀU CHỈNH MỚI

Trần Đức Hiệp

Đặt vấn đề

Chủ nghĩa tự do mới trong nhiều thập kỷ qua kể từ đầu những năm 70 đã trở thành chủ thuyết dẫn dắt và định hướng phát triển cho nền kinh tế thế giới nói chung. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế bùng nổ trên quy mô toàn cầu từ cuối năm 2007 dường như đã báo hiệu một giai đoạn thoái trào của chủ thuyết này. Học thuyết kinh tế của Keynes với kinh nghiệm giải cứu nhanh chóng nền kinh tế thế giới thoát ra khỏi khủng hoảng đã quay trở lại và nổi lên như một sự thay thế tất yếu. Phải chăng chủ nghĩa tự do mới đã hoàn toàn bị thế chỗ? Nếu có những phân tích đủ để nghi ngờ điều này thì chủ thuyết tự do sẽ phải điều chỉnh ít nhất dựa trên một khung khổ như thế nào trong bối cảnh phát triển mới của nền kinh tế thế giới hiện nay? Rõ ràng, đây là những nội dung cần được thử nghiệm cứu và phác họa.

1. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và sự “thoái trào” của chủ nghĩa tự do mới

Cho đến nay, cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu từ Mỹ đã lây lan nhanh chóng và ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế toàn cầu, đẩy hầu hết các quốc gia trên thế giới vào một cuộc khủng hoảng tài chính – suy giảm kinh tế nghiêm trọng. Cả thế giới đang phải nỗ lực ứng phó với cuộc khủng hoảng này, nhưng những dự báo gần đây do nhiều tổ chức quốc tế đưa ra cho thấy, kinh tế toàn cầu vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi tích cực. IMF nhận định, kinh tế toàn cầu có thể sụt giảm 1,3% trong năm 2009, hầu hết các nền kinh tế lớn đều có mức tăng trưởng âm, như Mỹ: -2,8%, Pháp: -3%, Anh: -4,1%, Italia: -4,4%, Đức: -5,6%, Nga: -6% và Nhật Bản: -6,2%.

Đây là đợt suy thoái nặng nề nhất kể từ Thế chiến lần thứ hai với thực trạng suy giảm GDP của các nước lớn ở mức chưa từng có. IMF ước tính khủng hoảng tài chính đã gây thiệt hại 4 ngàn tỉ USD, cao gấp 4 lần so với mức IMF dự báo cách đây một năm. Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế toàn cầu mới nhất, WB cũng đưa ra dự báo tăng trưởng GDP tại các nước đang phát triển sẽ giảm xuống còn khoảng 2,1% năm 2009 so với mức 5,8% năm 2008. Báo cáo này cũng dự báo tăng trưởng toàn cầu giảm 1,7% năm nay. Đây sẽ là mức tăng trưởng chậm nhất kể từ Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhiều dự báo thận trọng nhất còn nhận định, mức độ ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng sẽ vẫn rất sâu sắc và khó lường.¹

Cuộc khủng hoảng toàn cầu trầm trọng này dẫn tới sự cần thiết phải xem xét lại một cách nghiêm túc các lý thuyết kinh tế hiện hành:

Trong lịch sử, cuộc đại suy thoái kinh tế 1929 - 1933 đã khiến mô hình kinh tế học cổ điển, mô hình tự do kinh tế bị phản bác khắp nơi vì lý thuyết bàn tay vô hình của mô hình này đã không thể lý giải cho cuộc đại suy thoái. Thay vào đó, mô hình kinh tế theo học thuyết Keynes - trường phái trọng cầu, với sự can thiệp mạnh mẽ vào thị trường của bàn tay hữu hình, bàn tay nhà nước - trở nên phổ biến. Nhưng sau đó, cuộc khủng hoảng dầu lửa năm 1973 kéo theo

¹ TS. Phạm Tất Thắng, Khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu và biện pháp ứng phó của Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, ngày 28/04/2009.

sự đình trệ kinh tế ở thập niên 1970 do sự trì trệ, kém hiệu quả của hệ thống bộ máy nhà nước ngày càng công kênh đã làm cho học thuyết Keynes bị lu mờ. Điều này đã dẫn đến sự hưng thịnh của các học thuyết kinh tế được gọi là cổ điển mới hay chủ nghĩa tự do mới. Đó là các trào lưu như kinh tế học trọng cung, chủ nghĩa trọng tiền, kinh tế thị trường xã hội Đức, trường phái REM hay mô hình kinh tế tư bản tự do Anglo-Saxon (học thuyết Reagan - Thatcher). Đặc trưng cơ bản của các trào lưu này là đẩy mạnh tự do hóa kinh tế, nhất là thị trường tài chính, cắt giảm thuế và sự kiểm soát cũng như can thiệp của nhà nước xuống mức thấp nhất, khôi phục vai trò thống trị của thị trường...(phụ lục 1).

Không thể phủ nhận rằng, dưới sự dẫn dắt của chủ nghĩa tự do mới, thế giới đã có một giai đoạn phát triển kinh tế khá thành công, nhất là trong mấy thập kỷ gần đây. Những nguyên nhân của sự thành công này đã được biết đến như là hệ quả của sự tự do hoá thương mại, của các luồng vốn đầu tư quốc tế cao hay của các chính sách linh hoạt và can đảm mà chính phủ các nước đã thực thi trong bối cảnh hội nhập quốc tế... Đa số các nhà kinh tế cho rằng phương thuốc mầu nhiệm chủ yếu ở đây là sự đồng thuận Washington: tự do hóa thương mại, mở cửa cho đầu tư nước ngoài, phi điều tiết hoá hay giảm thiểu các quy định quốc gia, tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước, cải cách thuế má, thả nổi lãi suất, để tỷ giá hối đoái cạnh tranh, cắt giảm chi tiêu chính phủ và hướng đầu tư công vào y tế, giáo dục, vào cơ sở hạ tầng... Những đơn thuốc này được các tổ chức quốc tế cũng như các nước phát triển quảng bá khắp nơi, nhất là ở các nước thế giới thứ ba với niềm tin thị trường có khả năng giải phóng năng lực sản xuất lớn lao và bằng động cơ lợi nhuận, thị trường sẽ dẫn dắt, đưa nền kinh tế đạt tới trạng thái các nguồn lực được phân bổ một cách hiệu quả nhất. Thị trường có thể tự điều tiết và dường như khủng hoảng không phải là một xu thế đáng lo ngại².

Tuy nhiên, đến lúc này tính từ khoảng nửa cuối năm 2007, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới bùng nổ nhanh mạnh, đây bất ngờ đã cho thấy, tự do kinh tế, tự do thị trường không phải là miễn dịch với khủng hoảng. Giáo sư J.Stiglitz còn hồ nghi rằng, cuộc khủng hoảng này chính là sự cáo chung đối với chủ nghĩa tự do mới. Cáo buộc này không phải là không có cơ sở khi người ta thấy rằng nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụp đổ của hệ thống kinh tế toàn cầu vừa qua có căn gốc từ những bất cập của lý thuyết điều tiết kinh tế đang được áp dụng.

Niềm tin quá mức của các nhà kinh tế theo chủ thuyết tự do mới đã đẩy nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ rơi vào khủng hoảng tài chính. Từ giữa năm 2007, tổng số nợ thế chấp trên thị trường tài chính Mỹ đã lên tới 11.000 tỷ USD, chiếm 25% tổng dư nợ của nền kinh tế³. Sự phá sản của các tập đoàn tài chính hàng đầu như American Home Mortgage, Northern Rock, Lehman Brothers Holding, Merrill Lynch đã trở thành kim châm cho quả bong bóng tín dụng đang căng hết cỡ bất ngờ vỡ tung. Năm 2008 đã có 25 ngân hàng Mỹ bị phá sản, hai tháng đầu năm 2009 có thêm 16 ngân hàng nữa tuyên bố cũng bị phá sản⁴. Từ thị trường tài chính Mỹ, khủng hoảng kinh tế đã lan ra toàn cầu và đẩy nền kinh tế các nước vào con suy thoái nghiêm trọng. Khi cố gắng tìm kiếm nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng này, nhiều nhà kinh tế đã nhanh chóng nhận thấy những tác nhân trực diện của nó. Đó là: (i) sự hình thành và đổ vỡ của bong bóng nhà đất, của các khoản cho vay thế chấp nhà đất dưới chuẩn, hay của những bất ổn tín dụng nói chung sau một thời kỳ dài thả lỏng tín dụng và tăng trưởng ảo; (ii) sự yếu

² TS. Trần Hữu Dũng, Về kinh nghiệm phát triển: Đọc Rodrik và Chang, hai kẻ nghi ngờ, Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn, Số 1/ 2009.

³ Hội thảo khoa học: “Một số lý thuyết chính trên thế giới hiện nay qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam,” Hội đồng Lý luận Trung ương, Hà Nội, 8/2009.

⁴ Hiền Thư, Ngăn chặn suy giảm kinh tế Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, ngày 12/05/2009.

kém của hệ thống tài chính – ngân hàng các nước trước sự lấn lướt của xu thế toàn cầu hoá kinh tế.

Nếu nhìn trên bình diện chung hơn, có thể thấy, cuộc khủng hoảng này bùng phát từ sự mất cân bằng kinh tế toàn cầu, sâu sắc và kéo dài, đã và đang phá vỡ các nền tảng, các cấu trúc phát triển cần có. Nó là hệ quả của việc nói lỏng quản lý, giám sát, điều hành của nhà nước đối với nền kinh tế nhất là trên thị trường tài chính, là hệ quả xuất phát từ một sự bất cân bằng – có thể coi là bất cân bằng gốc giữa nhà nước và thị trường trong vận hành kinh tế.

Theo GS.TS Đỗ Hoài Nam, nguyên lý cân bằng, hài hoà trong việc giải quyết mối quan hệ giữa thị trường và nhà nước trong vận hành nền kinh tế thị trường đã bị vi phạm nghiêm trọng. Sự thật, chủ nghĩa tự do mới đã dung dưỡng quá mức cho thị trường tự do trong vai trò điều tiết nền kinh tế, đã quá nhấn mạnh vai trò của tự do cạnh tranh, tự do kinh tế, của quyền lực tối cao là bàn tay vô hình mà bỏ qua sự giám sát, điều tiết thích hợp của nhà nước. Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa tự do mới khi được áp dụng kéo dài quá mức đã không nhận được sự hậu thuẫn của mô hình thực tiễn. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu vì thế đã nổ ra và chính thức đánh dấu giai đoạn thoái trào của chủ nghĩa tự do mới. Trước sự thoái trào này, thế giới sẽ phải khẩn trương tìm kiếm một mô hình lý thuyết mới để chỉ dẫn nền kinh tế hiện thực nhanh chóng thoát khỏi khủng hoảng và phát triển bền vững. Nhìn từ phương diện logic và lịch sử, nhiều dấu hiệu cho thấy một xu thế mới trong lý thuyết phát triển kinh tế đang hình thành.

2. Học thuyết Keynes và sứ mạng giải cứu nền kinh tế thế giới thoát khỏi khủng hoảng và suy thoái kinh tế

Trước bối cảnh khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu mà chủ nghĩa tự do mới bị cho là tác nhân chính, thế giới đang có một sự điều chỉnh cấu trúc theo hướng tái lập sự cân bằng giữa nhà nước và thị trường trong việc điều hành nền kinh tế. Nỗ lực tập trung giải cứu và kích thích cho nền kinh tế sớm phục hồi theo phương thuốc thông dụng đã khiến nhiều nhà nghiên cứu có xu hướng nhấn mạnh sự trở lại của học thuyết Keynes. Có lẽ lượng hơn trong việc kết hợp ảnh hưởng của hỗn hợp nhà nước và thị trường đối với các hoạt động kinh tế, một số mô hình đã được định hình với những sắc thái khác biệt nhất định như “chủ nghĩa tư bản có kiểm soát”⁵ (regulatory capitalism), “chủ nghĩa tư bản có phòng vệ” (life -jacket capitalism), hay “chủ nghĩa tư bản sáng tạo” (creative capitalism).

Dù có những sắc thái như vậy, nhưng các mô hình này chắc khó vượt khỏi những biểu hiện hoà hiệp giữa hai trường phái: chủ nghĩa tự do mới và Keynes. Vì thế, nhiều nhà kinh tế và hoạch định chính sách trên thế giới đã rất kỳ vọng vào việc vận dụng và phát triển các nguyên tắc của Keynes trong điều kiện hiện nay. Nhiều nhà phân tích cho rằng, đây là lúc học thuyết Keynes sẽ chiếm ưu thế và giành lấy vị trí trung tâm. Kinh tế học suy thoái, theo như cách gọi của P.Krugman, đã quay trở lại. Nhưng thật sự thế giới sẽ đi theo con đường mà Keynes đã vạch ra.

Quả thực, trong thời gian vừa qua, sự sụp đổ của các nền kinh tế tự do kiểu mới, cùng với chủ nghĩa thị trường tự điều tiết của nó đã làm hồi sinh học thuyết kinh tế của Keynes. Dựa vào lý thuyết của Keynes (hộp 1), chính phủ các nước đã tung ra một loạt các biện pháp kích cầu, nhất là các gói tài chính nhằm giải cứu nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng. Đối phó

⁵ Hội thảo khoa học: “Một số lý thuyết chính trên thế giới hiện nay qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam,” Hội đồng Lý luận Trung ương, Hà Nội, 8/2009.

với mức độ ngày càng trầm trọng và lan rộng của cuộc khủng hoảng, hàng loạt các cuộc họp khẩn cấp đã diễn ra như Hội nghị Thống đốc ngân hàng trung ương và Bộ trưởng tài chính các nước G7 (11/10/2008), Hội nghị thượng đỉnh của lãnh đạo các nước G20 với IMF và WB (15/10/2008), Hội nghị ASEM 7 tổ chức tại Trung Quốc... nhằm bàn biện pháp thoát khỏi khủng hoảng. Nhiều hành động giải cứu đã được chính phủ các nước khẩn trương thực thi như trợ cấp, quốc hữu hoá hay nói lòng tiền tệ và tài chính. Chính phủ các nước là trụ cột của nền kinh tế thế giới như Mỹ, EU, Nhật Bản và hàng loạt các nước khác đã phải phối hợp sử dụng các gói giải pháp cứu trợ và kích thích chống suy giảm nền kinh tế với trị giá hàng nghìn tỉ USD. (Đến cuối tháng 11 năm 2008, Mỹ đã đưa ra tổng cộng 1500 tỷ USD để đối phó với khủng hoảng. Tương tự, các gói tài chính của EU là 200 tỷ Euro, tương đương 260 tỷ USD; của Trung Quốc là 586 tỷ USD...⁶)

Hộp 1 - Sơ lược về học thuyết kinh tế của Keynes⁷

Cuộc khủng hoảng sản xuất thừa vào những năm 1929-1933 bùng nổ ở Mỹ sau đó lan ra toàn thế giới đã gây ra những tổn thất nặng nề cho nền kinh tế của các nước tư bản tưởng chừng như đang trên đà phát triển vững chắc. Cuộc khủng hoảng này đã phá vỡ các quan niệm vốn đã và đang thống trị của các nhà kinh tế phái Cổ điển và phái Tân cổ điển cho rằng nền kinh tế tư bản hoạt động theo cơ chế tự cân bằng. Tình hình này đòi hỏi các nhà kinh tế phải đưa ra được lời giải thích mới về nguyên nhân và cách thức cứu vãn chủ nghĩa tư bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng. Lúc này xuất hiện lý thuyết kinh tế của nhà kinh tế học người Anh: John Maynard Keynes.

Quan điểm bao trùm nhất của lý thuyết Keynes là những mất cân đối kinh tế vĩ mô, khủng hoảng, thất nghiệp và trì trệ có nguồn gốc chính ở sự thiếu hụt tổng cầu (cầu có khả năng thanh toán bao gồm cả cầu về tiêu dùng cá nhân và cầu đầu tư) do khuynh hướng tiêu dùng giới hạn giảm dần. Để đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo cân đối cung cầu, cần có các biện pháp kích cầu có hiệu quả. Từ đây Keynes cho rằng, muốn thoát khỏi thất nghiệp, khủng hoảng, không thể dựa vào cơ chế tự điều tiết của thị trường mà cần có sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế để tăng cầu có hiệu quả, kích thích tiêu dùng, kích thích đầu tư và sản xuất.

Theo Keynes, nhà nước có thể tạo ra cầu có hiệu quả bằng cách tăng các hoạt động đầu tư công cộng. Mặt khác, nhà nước còn có thể sử dụng các công cụ tài chính tiền tệ nhằm kích cầu như giảm lãi suất cho vay, tăng cung tiền tệ và duy trì mức lạm phát có kiểm soát...

Với biện pháp kích cầu như vậy, nền kinh tế thế giới bước đầu đã ngăn chặn được đà suy giảm tăng trưởng. Các chỉ số kinh tế chính của các nền kinh tế chủ chốt như Mỹ, EU và Nhật Bản đã dịch chuyển nhích lên và chỉ báo chu kỳ suy giảm ở các nền kinh tế này có khả năng sẽ sớm được chấm dứt. Từ các dấu hiệu lạc quan trên, có thể nói các nguyên lý của học thuyết Keynes đã phát tác trên thực tiễn cho dù dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế thế giới vẫn còn yếu ớt.

Phản ứng nhanh với khủng hoảng, học thuyết của Keynes đã phát huy tác dụng chặn được đà suy giảm kinh tế, nhưng nhìn dài hạn hơn, nhiều nhà kinh tế bắt đầu lo ngại với những biện pháp theo chủ thuyết này.

Đằng sau các giải pháp kích cầu của Keynes, các nền kinh tế sẽ phải đối mặt với nguy cơ rơi vào bẫy thanh khoản khi chính sách tiền tệ hết dư địa, lãi suất cơ bản đã ở sát mức bằng không.

⁶ Hội thảo khoa học Quốc gia: “Mô hình tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Cơ sở lý luận và thực tiễn”, Hội đồng Lý luận Trung ương, Hà Nội, 9/2009.

⁷ Hội thảo khoa học Quốc gia: “Mô hình tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Cơ sở lý luận và thực tiễn”, Hội đồng Lý luận Trung ương, Hà Nội, 9/2009

Việc các chính phủ phụ thuộc quá mức vào công cụ tài khóa để duy trì tăng trưởng còn khiến thâm hụt ngân sách tăng cao, có thể kéo theo những hệ lụy nghiêm trọng như tăng thuế, tăng lãi suất dài hạn, gia tăng lạm phát tiền tệ và làm đình trệ hoạt động kinh doanh. Nguy cơ đình - lạm của kinh tế thế giới do lượng tiền cung ra quá lớn trên toàn cầu không phải là không thể xảy ra như đã từng xảy ra trước đó⁸.

Đáng lưu ý là, không chỉ ẩn giấu những hạn chế vốn có trên đây, học thuyết Keynes còn vấp phải các giới hạn mới do thời đại mới tạo lên. Sẽ cần có nhiều phân tích, lập luận sâu sắc để nhận diện chính xác các giới hạn này, song sơ bộ vẫn có thể dự liệu một số điểm chính yếu nhất:

Chủ nghĩa Keynes chủ yếu là một công cụ nhằm phục hồi các nền kinh tế quốc gia. Nhưng giờ đây quá trình toàn cầu hoá đã làm cho việc sử dụng công cụ này trở lên phức tạp. Biện pháp kích cầu giờ đây khó có thể khu biệt trong nội bộ các quốc gia. Các tập đoàn đa quốc gia có thể có lợi, nhưng tác động theo cấp số nhân đối với các nền kinh tế quốc gia có thể rất hạn chế. Nếu chương trình kích cầu của Keynes được toàn cầu hoá, dựa trên trợ giúp và cho vay từ các nước phát triển có thể giúp nền kinh tế các nước chậm phát triển tránh khỏi đổ vỡ và thậm chí có thể kích thích tăng trưởng ở một số nơi. Nhưng số phận của các nền kinh tế này lại khó được quan tâm. Trong khi đó, gói kích cầu sẽ không tác dụng nếu không đạt tới sự đồng bộ quốc tế và khu vực.

Hơn nữa, mô hình tư bản có điều tiết của Keynes chỉ đơn thuần trì hoãn chứ không đưa ra giải pháp cho một trong những mâu thuẫn căn bản (bất cân bằng gốc) dẫn đến khủng hoảng. Đồng thời về ngắn hạn, sự can thiệp sâu hơn, chặt chẽ hơn của nhà nước quốc gia vào nền kinh tế sẽ mâu thuẫn quá trình toàn cầu hóa – tự do hóa và trong một chừng mực nhất định, cản trở quá trình hình thành các thể chế kinh tế toàn cầu⁹. Sẽ là rất nguy hiểm nếu sự can dự của nhà nước sẽ được tăng cường mạnh và khuynh hướng bảo hộ của các quốc gia sẽ trở thành chủ đạo; theo đó, kinh tế thị trường theo hướng tự do hóa sẽ bị cản trở. Chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch sẽ lại tái hiện và trở thành lực cản đối với logic phát triển của các nền kinh tế hiện đại¹⁰. Cấu trúc nhà nước và thị trường lại rơi sang một thái cực mới ngược lại.

Như vậy đến đây có thể nhận định, học thuyết Keynes đã đưa ra được một số lời đáp khá chuẩn chỉnh cho tình trạng hiện nay, đã đưa ra được các giải pháp có tính chất nguyên tắc để vượt thoát và khắc phục hậu quả khủng hoảng, nhưng chưa thể cung cấp phương cách để giải quyết tình trạng này một cách bài bản, dài hơi trong một bối cảnh phát triển đã khác trước rất nhiều. Rõ ràng chỉ mình Keynes là chưa đủ và thế giới dường như đang vượt xa ngưỡng của một cuộc khủng hoảng kinh tế. Vì thế, cuối cùng, câu hỏi đặt ra là lý thuyết nào sẽ dẫn dắt nền kinh tế thế giới trong tiến trình phát triển tới đây sau khi vượt qua cơn nguy kịch(?).

3. Thử định hình khung khổ tiếp cận cho một sự điều chỉnh mới của chủ nghĩa tự do

Sức mạnh phá huỷ - sáng tạo của cuộc khủng hoảng đã xé toang các giới hạn lý thuyết chật hẹp và mặc nhiên lộng hành trong mọi ngõ ngách của nền kinh tế thế giới. Hơn lúc nào, bối

⁸ Hội thảo khoa học: “Một số lý thuyết chính trên thế giới hiện nay qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam,” Hội đồng Lý luận Trung ương, Hà Nội, 8/2009.

⁹ Paul Kruman, Sự trở lại của kinh tế học suy thoái và cuộc khủng hoảng năm 2008, Nhà xuất bản Trẻ, Hà Nội, 2009.

¹⁰ Hội thảo khoa học: “Một số lý thuyết chính trên thế giới hiện nay qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam,” Hội đồng Lý luận Trung ương, Hà Nội, 8/2009.

cảnh mới buộc thế giới phải nghĩ đến những cách tiếp cận phát triển mới. Để làm được điều này, người ta cần có một tư duy đột phá và sáng tạo. Bên cạnh một tư duy rành mạch, về nguyên tắc, người ta phải hiểu rõ bản thể nền kinh tế hiện hành và dùng tư duy đột phá để cầm cương nền kinh tế này đạt đến mục tiêu phát triển đã chọn. Từ nguyên tắc này, hai vấn đề cần được xem xét lại là: i) Mục tiêu phát triển của nền kinh tế thế giới là gì?; ii) Nền kinh tế này đang nằm trong trạng thái và xu thế phát triển nào? Hai vấn đề này sẽ tạo lập thành khung khổ mà khó có lý thuyết kinh tế nào có thể bỏ qua được.

Vấn đề thứ nhất: mục tiêu phát triển của nền kinh tế thế giới. Đây là vấn đề có tính chất cốt lõi, là trục trung tâm mà các mô hình lý thuyết cũng như các mô hình kinh tế hiện thực cần phải đeo đuổi. Khi mà nền kinh tế thế giới đang lâm vào khủng hoảng trầm trọng, các mô hình lý thuyết chưa được định hình rõ nét, chủ nghĩa tự do mới đang giằng co với trường phái Keynes thì việc nhìn nhận lại trục mục tiêu phát triển có ảnh hưởng tích cực trong việc gợi mở và định hướng các lý thuyết kinh tế.

Trong khoảng hơn một thập kỷ gần đây, nhiều nhà nghiên cứu đã phải xem xét lại mục tiêu phát triển của thế giới trước thực trạng kinh tế thế giới liên tục tăng trưởng đáng kể nhưng đi kèm với đó là sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo, tỷ lệ người nghèo giảm xuống chậm chạp, cơ hội cho đông đảo người dân được tham gia vào các quá trình tăng trưởng bị giới hạn, môi trường sống bị đe dọa nghiêm trọng, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của cả người nghèo lẫn người giàu, của cả thế hệ hiện tại và tương lai... Theo báo cáo của WB năm 2008, thế giới có khoảng 2,1 tỷ người sống dưới mức 2USD/ngày; 880 triệu người sống dưới mức 1USD/ngày. Cũng theo báo cáo này, thế giới có khoảng 1,029 tỷ người có mức thu nhập bình quân đầu người 36.487USD(PPP)¹¹ trong khi đó có nửa bên kia có 2,403 tỷ người có mức thu nhập chỉ đạt 650USD(PPP)/người¹². Theo số liệu mới nhất, Mỹ và Trung Quốc nằm trong nhóm những nền kinh tế lớn có hệ số Gini cao nhất lần lượt là 0,41 và 0,45 phản ánh tình trạng bất bình đẳng sâu sắc ngay nội bộ mỗi nước. Ở các nước có phân phối thu nhập tương đối đồng nhất hơn như Nhật Bản và châu Âu, hệ số này cũng gần ngưỡng là 0,25 và 0,32¹³. Rõ ràng, người ta đã quá chú trọng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà quên đi mục tiêu phát triển đích thực. Thực trạng trên đây khiến người ta phải đặt lại con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển thay vì tập trung tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế rõ ràng phải hướng trực diện tới mục tiêu phát triển con người một cách toàn diện và bền vững.

Ý nghĩa lớn lao của định đề trên đây chính là ở chỗ tự do cá nhân, tự do kinh tế sẽ tiếp tục là chủ thuyết cơ bản của thế giới bởi tăng trưởng kinh tế vì phát triển con người trước hết và trực tiếp là vì sự tự do của chính con người. Các chuyên gia kinh tế của UNDP đã kêu gọi các quốc gia phải mở rộng phạm vi lựa chọn, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực lựa chọn cho mọi người dân để đạt đến một cuộc sống khoẻ mạnh, trường thọ và có ý nghĩa nhất đối với con người. Thị trường tự do hiện là thể chế có khả năng cao nhất trong việc hỗ trợ con người mở rộng không gian, phạm vi lựa chọn của mình. GS.Amartya Sen sau nhiều công trình nghiên cứu cũng đã khẳng định phát triển là quyền tự do¹⁴. Ý nghĩa này cũng đồng nghĩa với việc, chủ thuyết tự do nói chung sẽ tiếp tục giữ vị trí thống trị trong sứ mệnh dẫn dắt nền kinh tế thế giới. Trong bối cảnh mới, chủ thuyết này cần có những điều chỉnh mới tương xứng về cả

¹¹ PPP: Purchasing Power Parity (sức mua tương đương)

¹² Ngân hàng Thế giới, Báo cáo phát triển thế giới 2008: Tăng cường Nông nghiệp cho phát triển, Nhà xuất bản Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2008.

¹³ Một số vấn đề về toàn cầu hoá, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia, ngày 30/11/2009.

¹⁴ Amartya Sen, Phát triển là quyền tự do, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2002.

nội dung và hình thức, song tư tưởng tự do - tư tưởng cốt lõi cơ bản nhất của nó là không thay đổi. Trong cấu trúc thị trường - nhà nước mới, với tư cách là một thể chế mạnh nhất, sẽ là lực lượng hậu thuẫn cho sứ mệnh trên (và đương nhiên thể chế này cũng phải có những thay đổi tương ứng với bối cảnh mới).

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay đã làm cho chủ nghĩa tự do mới bộc lộ những bất cập của nó. Các lý thuyết hiện hành của chủ nghĩa tự do đã đi đến chỗ thoái trào. Vì thế chủ thuyết tự do cần có một sự điều chỉnh lên tầm một thang bậc phát triển mới cao hơn, hướng trực diện tới mục tiêu phát triển con người. Với bản chất này, nhiều người gọi đây là kỷ nguyên của tân chủ nghĩa xã hội - neosocialism. Về logic phát triển, sự điều chỉnh có tính chất căn bản của chủ thuyết tự do sẽ phụ thuộc sâu sắc, sẽ gắn chặt vào bối cảnh phát triển của thế giới hiện thực. Do đó, nhận diện xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới hiện nay trở thành vấn đề quan trọng để các lý thuyết (tự do kinh tế) tiếp cận và hình thành.

Vấn đề thứ hai: xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới. Vấn đề này cung cấp cơ sở khách quan cho những điều chỉnh mà chủ thuyết tự do phải tính đến. Hiện nay, toàn cầu hoá và kinh tế tri thức được coi là hai xu hướng chủ đạo và tất yếu của nền kinh tế thế giới. Ở đây không có điểm gì mới khác biệt vì nhiều phân tích đã cho thấy, tiến trình phát triển của nền kinh tế thế giới đương nhiên sẽ phải định hướng sát với hai xu thế nổi bật này. Vấn đề là thế giới cần phải nhận diện được những đặc điểm cụ thể sẽ định hình chủ thuyết tự do mới mà hai xu thế trên đặt ra. Rõ ràng cần có nhiều nghiên cứu cho những vấn đề này, nhưng những nét phác hoạ ban đầu dễ được chấp nhận nhất là:

Thứ nhất, nhìn tổng thể, toàn cầu hoá về bản chất là quá trình tự do hoá trên quy mô toàn cầu. Trên thị trường tự do toàn cầu, các chủ thể kinh tế có cơ hội và năng lực mở rộng khả năng lựa chọn hơn, tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy. Đây là quá trình phát triển tất yếu, vì vậy hình thành trong môi trường này sẽ là chủ thuyết tự do với tư cách là chủ thuyết phản ánh và dẫn dắt nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, như nhiều nhà kinh tế đã cảnh báo, những kết quả tăng trưởng ngoạn mục của kinh tế thế giới dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa rất dễ tạo nên một thứ “men say thị trường tự do” với sự can dự ít hơn của nhà nước vào nền kinh tế trong nhiều quốc gia. Thực tế, chính với thứ men say này, nền kinh tế thế giới vừa qua đã bị trao đảo. Vì vậy, trong khuôn khổ tự do toàn cầu, thị trường toàn cầu, nền kinh tế thế giới cần phải có các công cụ điều tiết, công cụ giám sát mang tính chất toàn cầu.

Mặt khác, trong xu thế toàn cầu hoá, các quốc gia dường như phụ thuộc chặt chẽ vào nhau và ngày càng tỏ ra có ít quyền năng kiểm soát hơn đối với các quá trình kinh tế trong nước. Các quốc gia này phụ thuộc chặt chẽ nhiều hơn vào các thể chế toàn cầu, luật chơi toàn cầu và vì thế chịu sự áp đặt nhiều hơn của xu thế hội nhập quốc tế. Liên kết kinh tế xuyên quốc gia và liên quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ đã lan nhanh ra hầu khắp các quốc gia tức là quy mô toàn cầu với một diễn biến, một sự lây lan nhanh chóng (hộp 2). Nói một cách khác, khủng hoảng lần này là sản phẩm của quá trình toàn cầu hoá khi quá trình này làm xuất hiện và trầm trọng hơn sự mất cân bằng giữa nền quản trị quốc gia và thực thể kinh tế tự do toàn cầu. Sự đan xen ràng buộc chặt chẽ của các tổ chức tài chính giữa các quốc gia, của các tập đoàn toàn cầu nhất là thông qua quá trình chứng khoán hoá được coi là nguyên nhân trực tiếp dẫn khủng hoảng tài chính Mỹ. Cuộc giải cứu nền kinh tế thế giới trong thời gian vừa qua vì thế cũng phải dựa vào sự đồng thuận lớn và chưa từng xảy ra của cộng đồng thế giới. Cả thế giới đã cùng nỗ lực giải cứu nền kinh tế với số tiền chi ra lên tới hàng ngàn tỷ

USD. Các quốc gia dường như rất giỏi trong việc tận dụng xu thế toàn cầu hóa, nhưng chưa đủ sâu sắc để hoạch định một hệ thống chính sách có khả năng kiểm soát những vấn đề do nó gây ra. Người ta cũng không có đủ thông tin và tầm nhìn toàn cầu để dự báo và ngăn chặn khủng hoảng. Các lý thuyết kinh tế, các chính sách kinh tế dường như mới chỉ được đặt ra trong giới hạn của địa hạt các quốc gia mà chưa tính đến các yếu tố thời đại. Thực tế này đòi hỏi chủ thuyết tự do phải tính đến kịp thời và đầy đủ hơn trong thời gian tới nhất:

i) Các thể chế toàn cầu và khu vực nào có năng lực điều chỉnh, phối hợp liên kết kinh tế quốc tế;

ii) Sự phối hợp hành động giữa các quốc gia trong việc ứng phó với các biến cố toàn cầu sẽ được triển khai như thế nào¹⁵.

Toàn cầu hoá là một quá trình phải trải qua nhiều thang bậc phát triển khác nhau nhưng là một xu thế không thể đảo ngược. Tính tất yếu của quá trình toàn cầu hóa này khẳng định phải có những luật chơi và thể chế toàn cầu tương ứng, không bị trói buộc bởi những thể chế quốc gia vốn rất khác biệt. Bên cạnh đó, nhà nước sẽ là lực lượng quan trọng nhưng là lực lượng tương hỗ, tạo lập và đảm bảo môi trường phát triển lành mạnh chứ không phải là lực lượng dẫn đường phát triển. Sự can thiệp quá mức của nhà nước có thể sẽ dẫn đến những rủi ro đạo đức hay méo mó trong việc phân bổ nguồn lực trong chừng mực của nền kinh tế thị trường. Mặc dù vậy, nhà nước quốc gia phải có trách nhiệm xây dựng các thể chế toàn cầu, phối hợp chặt chẽ để ứng phó với các vấn đề toàn cầu với tư cách là các bộ phận cấu thành cố hữu chứ không phải chỉ là những kẻ tham gia vào khai thác quá trình toàn cầu này.

**Hộp 2 - Diễn biến nhanh chóng
của cuộc khủng hoảng toàn cầu:¹⁶**

Ngày 6-8-2007: American Home Mortgage (Tổ chức thế chấp nhà của Mỹ - một tổ chức cho vay thế chấp để mua nhà vào loại bậc nhất nước Mỹ) nộp đơn xin phá sản.

Tháng 9-2008, Northern Rock - Ngân hàng cho vay thế chấp để mua nhà lớn nhất của Anh sắp phá sản. Chính phủ phải quốc hữu hóa để cứu ngân hàng này.

15-9-2008, Lehman Brothers Holding ngân hàng lớn thứ tư ở Mỹ nộp đơn xin phá sản sau 158 năm hoạt động. Merrill Lynch tuyên bố sáp nhập với Bank of America với trị giá 50 tỉ USD do thua lỗ.

26-9-2008, Washing Mutuel Inc. - ngân hàng tiết kiệm lớn nhất của Mỹ thành lập năm 1889 với tổng tài sản 307 tỉ USD và 2300 chi nhánh tại 15 bang đã lỗ 19 tỉ USD và được bán cho ngân hàng GP Morgan Chase (để tránh phá sản).

29-9-2008, Chính phủ Anh quốc hữu hóa tập đoàn cho vay kinh doanh bất động sản lớn nhất của Anh là Bradford & Bingley Plc.

Tháng 10-2008, ngân hàng kinh doanh bất động sản lớn thứ hai của Đức Hypo Real Estate có nguy cơ phá sản. Chính phủ Đức phải mua lại một phần cổ phần để cứu nguy.

1-2009: Tập đoàn Citygroup, từng là ngân hàng lớn nhất thế giới với chi nhánh tại hơn 100 quốc gia, năm 2008 đã lỗ 18,72 tỉ USD, giá cổ phiếu của tập đoàn giảm 87% giá trị trong năm 2008.

Tính đến hết ngày 11/11/2008, thế giới có tổng cộng 85 tập đoàn và công ty đã tuyên bố phá sản.

¹⁵ GS.TS Đỗ Hoài Nam, Một số lý thuyết kinh tế và cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Tạp chí Cộng sản, số 19 năm 2009.

¹⁶ Hiến Thư, Ngăn chặn suy giảm kinh tế Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, ngày 12/05/2009.

Nhật Vy, Một số dấu mốc của khủng hoảng kinh tế 2008, Vietnamnet, 27/12/2008.

Mỹ chiếm tới 70 trong tổng số 85 tập đoàn và công ty nói trên, tiếp theo là châu Âu (5), châu Á (4), Canada (3), Mêhicô (2) và Nga (1).

Thứ hai, nhiều nhà kinh tế cho rằng, với tốc độ lan toả nhanh chóng trên một diện rộng ở quy mô toàn cầu, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới mang theo nó những dấu hiệu của một “hình thái” kinh tế mới – kinh tế tri thức¹⁷. Dấu hiệu này đặt ra cho các lý thuyết phát triển một khung khổ mới cần được tính đến. Sẽ là quá sớm để cho rằng sẽ hiện diện ngay một lý thuyết mới về vấn đề này, nhưng rõ ràng trong bối cảnh hiện tại, những mầm mống của lý thuyết này sẽ được nảy sinh. Người ta có thể hình dung một phương thức sáng tạo giá trị mới chủ yếu dựa trên nguồn lực tri thức đang hình thành. Xu hướng này sẽ là một động lực phát triển rất mạnh, thậm chí mạnh nhất của kinh tế thế giới trong những thập niên tới. Nó có tác dụng làm chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu thị trường toàn cầu, mở ra những cơ hội và lựa chọn mới cho các nền kinh tế. Từ đây, nếu không nhận thức được xu thế này, chủ động mở đường cho nó phát triển đi kèm với những cơ chế giám sát tương ứng, bản thân các lý thuyết kinh tế sẽ nhanh chóng lạc hậu, không đủ sức khái quát và dẫn dắt thực tiễn. Như một biểu hiện dù không thật rõ nét, TS. Nguyễn Trần Bạt cho rằng, khủng hoảng tài chính toàn cầu vừa rồi là “một sự lộng hành của yếu tố tri thức.”¹⁸ Người ta không thể hình dung được sức tàn phá của các chứng khoán phái sinh như CDS và các khoản tín dụng dưới chuẩn, không thể hình dung được khoảng cách giữa nền kinh tế thực và nền kinh tế ảo, nền kinh tế bong bóng mà các sản phẩm tài chính phái sinh đã để ra trong quá trình tự do hoá tài chính. Đường như những cảnh báo của K.Marx từ nhiều thế kỷ trước đã không được quan tâm đúng mực. Để chống lại sự lộng hành này không gì khác chính là phải dựa vào lực lượng tri thức. Các chủ thuyết tự do phải bám sát, phản ánh và dẫn dắt kịp thời sự phát triển của nền kinh tế tri thức này. Hiện nay, nền kinh tế tri thức mới manh nha hình thành. Vì vậy, vấn đề quan trọng là phải nhận diện được các dấu hiệu này để có thể nắm bắt và thúc đẩy nó phát triển, tránh những xung đột lớn hơn có thể xảy ra trong tương lai. Ở đây có một số dấu hiệu dễ nhận biết như sau:

1. Theo nhiều nghiên cứu, trong nền kinh tế tri thức, tri thức là đầu vào có vai trò chi phối tốc độ và chất lượng tăng trưởng, vì vậy việc sáng tạo và sử dụng tri thức có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Điều này đòi hỏi phải có một nguồn lực con người có chất lượng cao. Đầu tư vào con người vì vậy là cách thức đầu tư bền vững và có hiệu quả nhất. Ở một khía cạnh nhất định khác, cách thức đầu tư như vậy cũng tương đồng với việc đầu tư phát triển năng lực lựa chọn, mở rộng sự tự do của con người. Do vậy, tập trung phát triển nguồn lực con người là một trong những nội dung hàng đầu của lý thuyết phát triển mới.

2. Hiện nay trong nhiều nghiên cứu, người ta đang cảnh báo về nguy cơ thiếu hụt của các nguồn cung do tổng cầu tăng lên mạnh mẽ. Các cuộc khủng hoảng năng lượng, lương thực... đặc biệt sau khi báo cáo “Giới hạn đối với tăng trưởng” xuất hiện khiến nguy cơ này dường như đang trở thành hiện thực. Việc tối ưu hoá các nguồn lực khan hiếm do vậy vẫn là ưu tiên của các lý thuyết kinh tế học trong thời đại công nghiệp. Tuy nhiên khi chuyển dần theo xu thế phát triển nền kinh tế tri thức, bài toán đặt ra đối với các nhà hoạch định có thể sẽ phải khác đi ít nhiều khi con người còn có thể mở rộng giới hạn tăng trưởng của mình dựa vào

¹⁷ Hội thảo khoa học: “Một số lý thuyết chính trên thế giới hiện nay qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam,” Hội đồng Lý luận Trung ương, Hà Nội, 8/2009.

¹⁸ Nguyễn Trần Bạt, Khủng hoảng kinh tế thế giới và những nhiệm vụ của năm 2009, chungta.com, ngày 9/01/2009.

nguồn tri thức - nguồn lực được coi là không bị mất đi trong quá trình tiêu dùng. Đặc điểm này khiến cho cơ chế khuyến khích sự tự do sáng tạo, khai thác và truyền bá tri thức trong cộng đồng sẽ giữ một vị trí quan trọng trong các lý thuyết phát triển mới.

3. Trên cơ sở niềm tin đi trước, các giao dịch trao đổi trên thị trường hàng hoá trong suốt lịch sử hình thành của mình đã diễn ra trôi chảy và liên tục theo chiều hướng tối ưu hoá. Cung và cầu trên thị trường sẽ tương tác và dịch chuyển về vị trí cân bằng. Tuy nhiên với các sản phẩm tài chính, thứ sản phẩm có thể phái sinh, chứng khoán hoá tạo thành các sản phẩm ảo thì cơ sở là niềm tin rất dễ bị bào mòn. Rủi ro đạo đức thường nảy sinh và khó kiểm soát. Chính vì vậy, khủng hoảng rất dễ bùng phát cùng với tâm lý đám đông. Cuộc khủng hoảng thế giới vừa qua càng cho thấy đây là nguy cơ hiện thực đòi hỏi phải có các thể chế ràng buộc kiểm soát chặt chẽ hơn. Trong quá trình đó, các thể chế cũng cần tính dần đến cơ chế kiểm soát các giao dịch đối với các sản phẩm hàng hoá tri thức, các giao dịch trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng không thông qua thị trường truyền thống hiện hữu theo cơ chế người tiêu sản của Alvin Toffler. Những tranh chấp trên thị trường kiểu này cũng rất dễ phát sinh các xung đột do niềm tin của các bên trao đổi cũng thường xuyên bị thách thức.

4. Theo các lý thuyết tự do kinh tế hiện hành, các cá nhân sẽ luôn luôn đeo đuổi động cơ lợi nhuận, tìm cách tối ưu hoá lợi ích của mình, từ đó nền kinh tế sẽ được dẫn dắt để đạt tới trạng thái tối ưu. Tuy nhiên, do thiếu hụt thông tin, do thông tin bất cân xứng và với tâm lý không phải lúc nào cũng đạt trạng thái duy lý của con người, hành vi của các cá nhân không phải lúc nào cũng là phù hợp nhất, tối ưu nhất. Chính vì vậy, nền kinh tế bong bóng rất dễ hình thành và xì hơi như thế giới từng phải hứng chịu trong cơn khủng hoảng vừa qua. Xuất phát từ đây, việc minh bạch thông tin lại được đặt ra như một yêu cầu khẩn khe nhất đối với các nhà hoạch định các mô hình lý thuyết và hiện thực. Trong xu thế hướng tới nền kinh tế tri thức, việc này còn là nền tảng để thông tin được hình thành và phát triển, để mọi người dân đều được bình đẳng trong việc tham gia vào các quá trình tăng trưởng kinh tế. Với ý nghĩa như vậy, các lý thuyết tự do mới sẽ phải có cơ chế khuyến khích hơn nữa việc minh bạch hóa này.

Trên đây là một số khía cạnh cụ thể có thể sử dụng làm khuôn khổ bước đầu hình thành cho chủ thuyết tự do tiếp tục sứ mạng điều hành nền kinh tế phát triển ổn định vì mục tiêu phát triển con người trong cấu trúc tương tác với thể chế nhà nước. Những khoá cạnh này là những phác hoạ ban đầu vì vậy không đạt được tính hệ thống cần thiết nhưng có thể sẽ là cơ sở cho những phân tích sâu hơn về sau.

Kết luận

Những bất cập của chủ nghĩa tự do mới đã góp phần chính yếu đẩy nền kinh tế thế giới rơi vào cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế trầm trọng. Trong bối cảnh này, học thuyết kinh tế của Keynes đã quay lại như một chủ thuyết có thể nhanh chóng giải cứu nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, nhiều lập luận cho thấy học thuyết kinh tế của Keynes chưa thể thay thế chủ nghĩa tự do trong việc tiếp tục dẫn dắt nền kinh tế phát triển. Sứ mệnh điều tiết nền kinh tế trong bối cảnh mới sẽ vẫn thuộc về chủ thuyết tự do. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, chủ thuyết này cần có những điều chỉnh thích hợp trong đó mục tiêu phát triển trực diện vì con người trong bối cảnh toàn cầu hoá và sự xuất hiện của kinh tế tri thức là những khuôn khổ ban đầu không thể bỏ qua. Ở đây nhà nước được định hình như một thể chế quan trọng,

dẫn mang tính chất toàn cầu và có nhiều tiềm năng tương hỗ nếu có thể được điều chỉnh cân bằng và tương xứng với bối cảnh phát triển mới.

Phụ lục

Nhận diện khái quát về trường phái được gọi là “Chủ nghĩa tự do mới”¹⁹

Hiện nay, cụm từ *Chủ nghĩa tự do mới* còn được gọi là trường phái Cổ điển mới - Newclassical có nguồn gốc sâu xa từ những tư tưởng của trường phái Cổ điển với đặc trưng nổi bật của nó là đề cao tự do kinh tế. Tuy nhiên, sau Cổ điển thì tư tưởng tự do kinh tế không chỉ tồn tại và phát triển ở lý thuyết Tân cổ điển. Vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX, khi học thuyết kinh tế của Keynes rơi vào khủng hoảng thì giới nghiên cứu kinh tế lại chứng kiến sự trỗi dậy của tư tưởng tự do kinh tế trong một số trường phái kinh tế ở Mỹ, Anh, Đức hay Áo. Đó là chủ nghĩa tự do mới, được hình thành và phát triển dưới hình thức là các trường phái Trọng cung, Trọng tiền ở Mỹ, hay Kinh tế thị trường xã hội ở Đức...

Trường phái Trọng tiền: Vào cuối những năm 60, đầu những năm 70 - khi mà học thuyết trọng cầu của J.M.Keynes bị coi là nguyên nhân gây ra những suy thoái kinh tế mới thì chủ nghĩa trọng tiền được coi là lý thuyết hữu hiệu để lý giải và thoát khỏi tình trạng đó... Theo các nhà trọng tiền, nền kinh tế tư bản là tương đối ổn định, cơ chế thị trường tự nó sẽ đảm bảo cân bằng cung cầu và không nhất thiết phải trải qua các chu kì. Sở dĩ trong nền kinh tế đã xảy ra những đợt suy thoái hay lạm phát cao là do nhà nước cung ứng quá nhiều hoặc quá ít tiền cho nền kinh tế. Nếu số lượng tiền cung ứng tăng nhanh hơn mức thu nhập sẽ làm cho mức cầu tiêu dùng tăng cao và gây ra lạm phát. Ngược lại lượng tiền cung ứng ít hơn mức cần thiết sẽ làm cho tổng cầu giảm xuống dẫn đến thu hẹp sản xuất, hiện tượng suy thoái kinh tế và thất nghiệp sẽ xảy ra. Như vậy, mức cung tiền tệ có ảnh hưởng quyết định đến tình trạng của nền kinh tế. Do đó, nhà nước không nên can thiệp trực tiếp vào nền kinh tế. Nếu cần thiết phải điều chỉnh khi nền kinh tế thì chỉ áp dụng chính sách tiền tệ, chủ yếu là điều chỉnh khối lượng tiền tệ cần thiết cho lưu thông.

Sau khi ra đời, những áp dụng cụ thể của chủ nghĩa tiền tệ vào đường lối của các chính phủ tự do đã đạt được hiệu quả nhất định, từ đó đã mang lại sự thắng thế cho học thuyết tiền tệ chính thống. Từ Paul Volcker - Chủ tịch Quỹ dự trữ liên bang Mỹ (FED), đến chính phủ của R. Reagan và M. Thatchers đều ngưỡng mộ lý thuyết của chủ nghĩa tiền tệ. Từ năm 1978 đến năm 1986, các chuyên gia của IMF, WB hoặc Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cũng tin tưởng vào chính sách tiền tệ có thể phục hồi những sự cân bằng kinh tế. Đồng thuận Washington được hình thành từ đây.

Trường phái Kinh tế thị trường xã hội Đức: Sau Thế chiến II, nước Đức bị chia cắt và suy thoái về kinh tế. Sản xuất công nghiệp chỉ còn 83% và thu nhập dân cư chỉ còn 50%; lạm phát lớn trong chiến tranh bị nén lại đến giờ mới có dịp bùng phát, thất nghiệp vô cùng cao... Trước thực tế đó, bên cạnh các cải cách chính trị tổng thể cần phải có những cải cách toàn diện về kinh tế và tư tưởng về “nền kinh tế thị trường xã hội” do Alfred Muller - Armack đề xướng vào năm 1946 được Ludwig Erhard - Giám đốc Cục kinh tế trong khu vực kinh tế hợp nhất vùng Mỹ - Anh (sau là thủ tướng CHLB Đức) ủng hộ và triển khai.

Theo chủ nghĩa tự do kinh tế mới của Đức, mô hình nền kinh tế thị trường xã hội phải được xây dựng dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau:

Thứ nhất, bảo đảm tự do cạnh tranh, không có sự tham gia của độc quyền.

Thứ hai, phải bảo đảm sự bền vững của sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, bảo đảm tính độc lập về kinh tế và trách nhiệm của các chủ thể kinh doanh.

¹⁹ Hội thảo khoa học: “Một số lý thuyết chính trên thế giới hiện nay qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam,” Hội đồng Lý luận Trung ương, Hà Nội, 8/2009.

Thứ ba, phải triệt để trong việc chống lại những can thiệp sai của Nhà nước, nhưng lại phải thừa nhận những chức năng của Nhà nước, để bảo đảm cho sự phát triển hài hoà, bảo đảm cho sự phù hợp giữa chế độ tự do và các quy tắc chung của xã hội.

Trường phái Trọng cung: Trong suốt thập kỷ 70 của thế kỷ XX, nền kinh tế Mỹ bị lâm vào suy thoái, lạm phát và thất nghiệp cao. Những người trọng cung cho rằng nguyên nhân làm nền kinh tế Mỹ suy yếu cả ở trong nước và cả trên thị trường quốc tế nằm ngay trong chính sách kinh tế tiền tệ - tín dụng của Nhà nước Mỹ. Hơn nữa, thuế suất cao đã bóp nghẹt mọi cố gắng, óc sáng tạo của cá nhân và làm giảm tiết kiệm, đầu tư. Do đó, muốn nền kinh tế Mỹ thoát khỏi trạng thái bế tắc, nhà nước cần hoạch định các chính sách kinh tế của mình dựa trên lý thuyết trọng cung.

Lý thuyết trọng cung hiện đại đề cập tới nhiều quan điểm làm cơ sở hoạch định các chính sách kinh tế, song có thể khái quát tập trung vào 4 quan điểm sau:

Thứ nhất: thị trường là hệ thống hữu hiệu nhất để định hướng các yếu tố sản xuất vào các ngành kinh tế một cách tối ưu.

Thứ hai: Các doanh nghiệp và các cá nhân đều có ý chí, họ ứng xử bằng cách cực đại hoá lợi ích phù hợp với nhu cầu của mình. Giá cả tương đối sẽ giúp họ xác định các lựa chọn tối ưu.

Thứ ba: Thuế và các khoản chi tiêu công cộng phải được kiểm soát chặt chẽ để hạn chế các hậu quả xấu do "Nhà nước như một đấng ban phúc cho mọi người."

Thứ tư: Chính sách phân phối lại thu nhập chỉ có hiệu lực rất hạn hẹp, thậm chí đa số trường hợp, đi ngược với lợi ích thực sự của tầng lớp người nghèo khổ trong xã hội.